ITE

VIỆN KHOA HỌC – CÔNG NGHỆ QUÂN SỰ
VIỆN NHIỆT ĐỚI MÔI TRƯỜNG
Institute for Tropicalization and Environment

Địa chỉ: 57A Trương Quốc Dung, Quận Phú Nhuận, Tp Hồ Chí Minh.
ĐT: 028.38446262-65, 028.38455140
Fax: 028.38423670, 38455140

QT.19.0542

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Ngày: 12/06/2019

1. Nơi yêu cầu: Công ty Cổ phần BOO Nước Thủ Đức

2. Địa điểm lấy mẫu: Công ty Cổ phần BOO Nước Thủ Đức – 479 Xa Lộ Hà Nội, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

3. Tên mẫu: Nước ra tại Nhà máy: QT190605.076

4. Số lượng mẫu: 01

5. Ngày nhận mẫu: 05/06/2019

6. Thời gian thử nghiệm: 05/06/2019 - 12/06/2019

7. Kết quả thử nghiệm: Xem các trang kèm theo

Phòng thí nghiệm đạt Tiêu chuẩn theo ISO/IEC 17025:2005
Phòng thí nghiệm đạt TCVN/QS 877:2014
Phòng thí nghiệm đủ điều kiện quan trắc môi trường theo VIMCERTS 009

ĐẠI DIỆN NHÓM THỬ NGHIỆM	TRƯỞNG PHÒNG QT&PTMT	TL.VIỆN TRƯỞNG TRƯỞNG BAN KH-TH
NGUYỄN PHÚ BẢO	TRẦN TUẤN VIỆT	BÙI HỒNG HÀ

AOSC VLAT - 0108

1. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Viện trưởng Viện NĐMT.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

ITE

QT.19.0542	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Ngày: 12/06/2019

TT	Thông số	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm	QCVN 01: 2009/BYT
				QT190605.076	
1	Màu	TCVN 6185:2015	Pt-Co	<5	15
2	Mùi vị	SMEWW 2150 B SMEWW 2160 B	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
3	Độ đục	TCVN 6184:2008	NTU	0,18	2
4	pH	TCVN 6492:2011	-	7,0	6,5-8,5
5	Tổng cứng	TCVN 6224:1996	$mgCaCO_3/L$	28	300
6	Clorua	TCVN 6194:1996	mg/L	11	250
7	Tổng Fe	US EPA Method 6020A	mg/L	0,010	0,3
8	Mn	SMEWW 3125B:2012	mg/L	0,007	0,3
9	Nitrit	SMEWW 4500 – NO_2^- .B:2012	mg/L	<0,010	3
10	Nitrat	SMEWW 4500 – NO_3^- .E:2012	mg/L	0,77	50
11	Sunfat	SMEWW 4500 – SO_4^{2-} .E:2012	mg/L	6	250
12	Chỉ số Pecmanganat	TCVN 6186:1996	mg/L	0,6	2
13	Clo dư	Hach Method 8021	mg/L	0,55	0,3 - 0,5
14	Tổng Coliforms	TCVN 6187-2:1996	Vi khuẩn/100ml	0	0
15	E.Coli	TCVN 6187-2:1996	Vi khuẩn/100ml	0	0

Ghi chú: KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện

1. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Viện trưởng Viện NĐMT.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

ITE

QT.19.0542	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Ngày: 12/06/2019

TT	Thông số	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm	QCVN 01: 2009/BYT (B)
				QT190605.076	
16	TDS	SOP 24.01.04	mg/L	30	1000
17	F^-	SMEWW 4500-F^- .B&D:2012	mg/L	0,11	1,5
18	H_2S	Hach Method 8131	mg/L	KPH (LOD=0,005)	0,05
19	$N - NH_4$	TCVN 6179:1996	mg/L	0,085	3
20	Pb	SMEWW 3125B:2012	mg/L	KPH (LOD=0,0015)	0,01
21	As	SMEWW 3125B:2012	mg/L	0,0003	0,01
22	Hg	SMEWW 3125B:2012	mg/L	KPH (LOD=0,0002)	0,001
23	Al	SMEWW 3125B:2012	mg/L	0,037	0,2
24	Na	SMEWW 3125B:2012	mg/L	4,66	200
25	Phenol và dẫn xuất của Phenol	SMEWW 6420 B	µg/L	<1	1
26	Benzen	US EPA 524.2	µg/L	<10	10
27	Benzo(a)pyren	US EPA 524.2	µg/L	<0,5	0,7
28	Monoclorobenzen	US EPA 524.2	µg/L	<0,1	300
29	Monocloramin	SMEWW 4500-Cl G	µg/L	<1	3
30	Hoạt độ phóng xạ α	SMEWW 7110 B	pCi/l	0,365	3
31	Hoạt độ phóng xạ β	SMEWW 7110 B	pCi/l	2,85	30

Ghi chú: KPH: Không phát hiện; LOD: Không phát hiện

1. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Viện trưởng Viện NĐMT.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

ITE

VIỆN KHOA HỌC – CÔNG NGHỆ QUÂN SỰ
VIỆN NHIỆT ĐỚI MÔI TRƯỜNG
Institute for Tropicalization and Environment

Địa chỉ: 57A Trương Quốc Dung, Quận Phú Nhuận, Tp Hồ Chí Minh.
ĐT: 028.38446262-65, 028.38455140
Fax: 028.38423670, 38455140

QT.19.0572

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Ngày: 19/06/2019

1. Nơi yêu cầu: Công ty Cổ phần BOO Nước Thủ Đức

2. Địa điểm lấy mẫu: Công ty Cổ phần BOO Nước Thủ Đức – 479 Xa Lộ Hà Nội, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

3. Tên mẫu: Nước ra tại Nhà máy: QT190612.001

4. Số lượng mẫu: 01

5. Ngày nhận mẫu: 12/06/2019

6. Thời gian thử nghiệm: 12/06/2019 – 19/06/2019

7. Kết quả thử nghiệm: Xem các trang kèm theo

Phòng thí nghiệm đạt Tiêu chuẩn theo ISO/IEC 17025:2005
Phòng thí nghiệm đạt TCVN/QS 877:2014
Phòng thí nghiệm đủ điều kiện quan trắc môi trường theo VIMCERTS 009

ĐẠI DIỆN NHÓM THỬ NGHIỆM	TRƯỞNG PHÒNG QT&PTMT	TL.VIỆN TRƯỞNG TRƯỞNG BAN KHTH
NGUYỄN PHÚ BẢO	TRẦN TUẤN VIỆT	BÙI HỒNG HÀ

AOSC VLAT - 0108

1. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Viện trưởng Viện NĐMT.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

ITE

QT.19.0572	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Ngày: 19/06/2019

TT	Thông số	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm	QCVN 01: 2009/BYT
				QT190612.001	
1	Màu	TCVN 6185:2015	Pt-Co	<5	15
2	Mùi vị	SMEWW 2150 B SMEWW 2160 B	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
3	Độ đục	TCVN 6184:2008	NTU	0,11	2
4	pH	TCVN 6492:2011	-	7,2	6,5-8,5
5	Tổng cứng	TCVN 6224:1996	mg$CaCO_3$/L	30	300
6	Clorua	TCVN 6194:1996	mg/L	12	250
7	Tổng Fe	US EPA Method 6020A	mg/L	0,006	0,3
8	Mn	SMEWW 3125B:2012	mg/L	0,005	0,3
9	Nitrit	SMEWW 4500 – NO_2^- .B:2012	mg/L	<0,010	3
10	Nitrat	SMEWW 4500 – NO_3^- .E:2012	mg/L	0,78	50
11	Sunfat	SMEWW 4500 – SO_4^{2-} .E:2012	mg/L	6	250
12	Chỉ số Pecmanganat	TCVN 6186:1996	mg/L	0,5	2
13	Clo dư	Hach Method 8021	mg/L	0,72	0,3 - 0,5
14	Tổng Coliforms	TCVN 6187-2:1996	Vi khuẩn/100ml	0	0
15	E.Coli	TCVN 6187-2:1996	Vi khuẩn/100ml	0	0

Ghi chú: KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện

1. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Viện trưởng Viện NĐMT.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

ITE

VIỆN KHOA HỌC – CÔNG NGHỆ QUÂN SỰ
VIỆN NHIỆT ĐỚI MÔI TRƯỜNG
Institute for Tropicalization and Environment

Địa chỉ: 57A Trương Quốc Dung, Quận Phú Nhuận, Tp Hồ Chí Minh.
ĐT: 028.38446262-65, 028.38455140
Fax: 028.38423670, 38455140

QT.19.0601

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Ngày: 25/06/2019

1. Nơi yêu cầu: Công ty Cổ phần BOO Nước Thủ Đức

2. Địa điểm lấy mẫu: Công ty Cổ phần BOO Nước Thủ Đức – 479 Xa Lộ Hà Nội, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

3. Tên mẫu: Nước ra tại Nhà máy: QT190618.006

4. Số lượng mẫu: 01

5. Ngày nhận mẫu: 18/06/2019

6. Thời gian thử nghiệm: 18/06/2019 – 25/06/2019

7. Kết quả thử nghiệm: Xem các trang kèm theo

Phòng thí nghiệm đạt Tiêu chuẩn theo ISO/IEC 17025:2005
Phòng thí nghiệm đạt TCVN/QS 877:2014
Phòng thí nghiệm đủ điều kiện quan trắc môi trường theo VIMCERTS 009

ĐẠI DIỆN NHÓM THỬ NGHIỆM	TRƯỞNG PHÒNG QT&PTMT	TL.VIỆN TRƯỞNG TRƯỞNG BAN KHTH
NGUYỄN PHÚ BẢO	TRẦN TUẤN VIỆT	BÙI HỒNG HÀ

AOSC VLAT - 0108

1. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Viện trưởng Viện NĐMT.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

ITE

QT.19.0601	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** **TEST REPORT**	Ngày: 25/06/2019

TT	Thông số	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm	QCVN 01: 2009/BYT
				QT190618.006	
1	Màu	TCVN 6185:2015	Pt-Co	<5	15
2	Mùi vị	SMEWW 2150 B SMEWW 2160 B	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
3	Độ đục	TCVN 6184:2008	NTU	0,12	2
4	pH	TCVN 6492:2011	-	7,0	6,5-8,5
5	Tổng cứng	TCVN 6224:1996	$mgCaCO_3/L$	29	300
6	Clorua	TCVN 6194:1996	mg/L	11	250
7	Tổng Fe	US EPA Method 6020A	mg/L	0,006	0,3
8	Mn	SMEWW 3125B:2012	mg/L	0,002	0,3
9	Nitrit	SMEWW 4500 – NO_2^- .B:2012	mg/L	<0,010	3
10	Nitrat	SMEWW 4500 – NO_3^- .E:2012	mg/L	0,80	50
11	Sunfat	SMEWW 4500 – SO_4^{2-} .E:2012	mg/L	6	250
12	Chỉ số Pecmanganat	TCVN 6186:1996	mg/L	0,5	2
13	Clo dư	Hach Method 8021	mg/L	0,72	0,3 - 0,5
14	Tổng Coliforms	TCVN 6187-2:1996	Vi khuẩn/100ml	0	0
15	E.Coli	TCVN 6187-2:1996	Vi khuẩn/100ml	0	0

Ghi chú: KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện

1. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Viện trưởng Viện NĐMT.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

ITE

VIỆN KHOA HỌC – CÔNG NGHỆ QUÂN SỰ
VIỆN NHIỆT ĐỚI MÔI TRƯỜNG
Institute for Tropicalization and Environment

Địa chỉ: 57A Trương Quốc Dung, Quận Phú Nhuận, Tp Hồ Chí Minh.
ĐT: 028.38446262-65, 028.38455140
Fax: 028.38423670, 38455140

QT.19.0646

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Ngày: 28/06/2019

1. Nơi yêu cầu: Công ty Cổ phần BOO Nước Thủ Đức

2. Địa điểm lấy mẫu: Công ty Cổ phần BOO Nước Thủ Đức – 479 Xa Lộ Hà Nội, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

3. Tên mẫu: Nước ra tại Nhà máy: QT190624.018

4. Số lượng mẫu: 01

5. Ngày nhận mẫu: 24/06/2019

6. Thời gian thử nghiệm: 24/06/2019 – 28/06/2019

7. Kết quả thử nghiệm: Xem các trang kèm theo

Phòng thí nghiệm đạt Tiêu chuẩn theo ISO/IEC 17025:2005
Phòng thí nghiệm đạt TCVN/QS 877:2014
Phòng thí nghiệm đủ điều kiện quan trắc môi trường theo VIMCERTS 009

ĐẠI DIỆN NHÓM THỬ NGHIỆM	TRƯỞNG PHÒNG QT&PTMT	TL.VIỆN TRƯỞNG TRƯỞNG BAN KHTH
NGUYỄN PHÚ BẢO	TRẦN TUẤN VIỆT	BÙI HỒNG HÀ

AOSC VLAT - 0108

1. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Viện trưởng Viện NĐMT.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

ITE

QT.19.0646	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Ngày: 28/06/2019

TT	Thông số	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm	QCVN 01: 2009/BYT
				QT190624.018	
1	Màu	TCVN 6185:2015	Pt-Co	<5	15
2	Mùi vị	SMEWW 2150 B SMEWW 2160 B	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
3	Độ đục	TCVN 6184:2008	NTU	0,09	2
4	pH	TCVN 6492:2011	-	7,0	6,5-8,5
5	Tổng cứng	TCVN 6224:1996	$mgCaCO_3/L$	26	300
6	Clorua	TCVN 6194:1996	mg/L	10	250
7	Tổng Fe	US EPA Method 6020A	mg/L	0,005	0,3
8	Mn	SMEWW 3125B:2012	mg/L	0,003	0,3
9	Nitrit	SMEWW 4500 – NO_2^- .B:2012	mg/L	<0,010	3
10	Nitrat	SMEWW 4500 – NO_3^- .E:2012	mg/L	0,81	50
11	Sunfat	SMEWW 4500 – SO_4^{2-} .E:2012	mg/L	5	250
12	Chỉ số Pecmanganat	TCVN 6186:1996	mg/L	0,3	2
13	Clo dư	Hach Method 8021	mg/L	0,49	0,3 - 0,5
14	Tổng Coliforms	TCVN 6187-2:1996	Vi khuẩn/100ml	0	0
15	E.Coli	TCVN 6187-2:1996	Vi khuẩn/100ml	0	0

Ghi chú: KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện

1. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Viện trưởng Viện NĐMT.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

ITE

VIỆN KHOA HỌC – CÔNG NGHỆ QUÂN SỰ
VIỆN NHIỆT ĐỚI MÔI TRƯỜNG
Institute for Tropicalization and Environment

Địa chỉ: 57A Trương Quốc Dung, Quận Phú Nhuận, Tp Hồ Chí Minh.
ĐT: 028.38446262-65, 028.38455140
Fax: 028.38423670, 38455140

QT.19.0543

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Ngày: 12/06/2019

1. Nơi yêu cầu: Công ty Cổ phần BOO Nước Thủ Đức

2. Địa điểm lấy mẫu: Công ty Cổ phần BOO Nước Thủ Đức – 479 Xa Lộ Hà Nội, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

3. Tên mẫu: Nước đầu vào nhà máy nước: QT190605.077

4. Số lượng mẫu: 01

5. Ngày nhận mẫu: 05/06/2019

6. Thời gian thử nghiệm: 05/06/2019 – 12/06/2019

7. Kết quả thử nghiệm: Xem các trang kèm theo

Phòng thí nghiệm đạt Tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2005
Phòng thí nghiệm đạt TCVN/QS 877:2014
Phòng thí nghiệm đủ điều kiện quan trắc môi trường theo VIMCERTS 009

ĐẠI DIỆN NHÓM THỬ NGHIỆM	TRƯỞNG PHÒNG QT&PTMT	TL. VIỆN TRƯỞNG TRƯỞNG BAN KHTH
NGUYỄN PHÚ BẢO	TRẦN TUẤN VIỆT	BÙI HỒNG HÀ

AOSC VLAT - 0108

1. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Viện trưởng Viện NĐMT.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

ITE

QT.19.0543	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Ngày: 12/06/2019

TT	Thông số	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm	QCVN 08:2015 (A1)
				QT190605.077	
1	Màu	TCVN 6185:2015	Pt-Co	22	-
2	Mùi vị	SMEWW 2150 B SMEWW 2160 B	-	Không có mùi, vị lạ	-
3	Độ đục	TCVN 6184:2008	NTU	20	-
4	pH	TCVN 6492:2011	-	7,0	6-8,5
5	TDS	SOP 24.01.04	mg/L	40	-
6	SO_4^{2-}	SMEWW 4500 – SO_4^{2-} .E:2012	mg/L	5	-
7	F^-	SMEWW 4500-F^- .B&D:2012	mg/L	KPH (LOD=0,004)	1
8	CN^-	SMEWW 4500-CN^-	mg/L	KPH (LOD=0,001)	0,05
9	H_2S	Hach Method 8131	mg/L	KPH (LOD=0,005)	-
10	Cl^-	TCVN 6194:1996	mg/L	7	250
11	N – NO_2	SMEWW 4500 – NO_2^- .B:2012	mg/L	<0,010	0,05
12	N – NO_3	SMEWW 4500 – NO_3^- .E:2012	mg/L	1,14	2
13	N – NH_4	TCVN 6179:1996	mg/L	0,114	0,3
14	Tổng cứng	TCVN 6224:1996	$mgCaCO_3/L$	22	-
15	Chỉ số Pemanganat	TCVN 6186:1996	mgO_2/L	3,8	-
16	Phenol	TCVN 6216 : 1996	mg/L	<0,001	0,005
17	Monocloramin	SMEWW 4500 – Cl G	µg/L	<1	-
18	Tổng Coliforms	TCVN 6187-2:1996	MPN/100mL	750	2500
19	E.Coli	TCVN 6187-2:1996	MPN/100mL	21	20

Ghi chú: KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện

1. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Viện trưởng Viện NĐMT.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

ITE

QT.19.0543	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Ngày: 12/06/2019

TT	Thông số	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm	QCVN 08:2015 (A1)
				QT190605.077	
20	Tổng Fe	US EPA Method 6020A	mg/L	0,141	0,5
21	Mn	SMEWW 3125B:2012	mg/L	0,015	0,1
22	Cu	SMEWW 3125B:2012	mg/L	0,021	0,1
23	Pb	SMEWW 3125B:2012	mg/L	KPH (LOD=0,0015)	0,02
24	Zn	SMEWW 3125B:2012	mg/L	0,016	0,5
25	Cd	SMEWW 3125B:2012	mg/L	KPH (LOD=0,001)	0,005
26	Ni	SMEWW 3125B:2012	mg/L	KPH (LOD=0,0016)	0,1
27	Tổng Cr	SMEWW 3125B:2012	mg/L	KPH (LOD=0,0015)	0,05
28	As	SMEWW 3125B:2012	mg/L	0,0008	0,01
29	Hg	SMEWW 3125B:2012	mg/L	KPH (LOD=0,0002)	0,001
30	Al	SMEWW 3125B:2012	mg/L	0,077	-
31	Na	SMEWW 3125B:2012	mg/L	4,89	-
32	Se	SMEWW 3125B:2012	mg/L	KPH (LOD=0,001)	-

Ghi chú: KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện

1. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Viện trưởng Viện NĐMT.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.